CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

Tổng Công ty Licogi - CTCP

Ngày 31/12/2025	25,300 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-1.2%	**-8.3%**	**-**

DT thuần
Q4/25
761
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 148| 24.1%
YoY: ▼285| -27.3%

LN thuần
Q4/25
47.0
tỷ VNĐ
QoQ: ▼32.7| -41.0%
YoY: ▼34.8| -42.5%

LN sau thuế
Q4/25
46.7
tỷ VNĐ
QoQ: ▼26.9| -36.6%
YoY: ▼24.6| -34.5%

Tỷ suất lãi EBIT
2025
8.8%
YoY: +/-▼ 0.3%

ROE
2025
15.5%
YoY: +/-▲ 2.4%

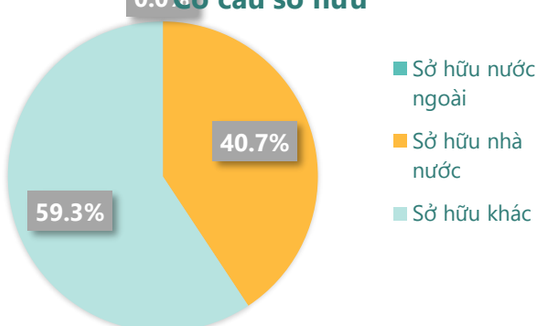
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	24,000 - 48,500
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	2,277
Số lượng CPLH (CP)	90,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	4,375
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	1.00
EPS	920
P/E	27.5

DT thuần
2025
2,278
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 28.0| 1.2%

LN thuần
2025
132
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 36.6| 38.0%

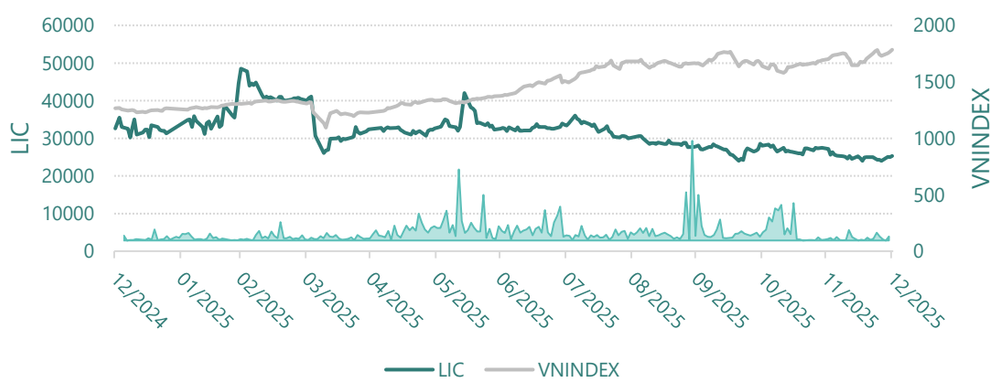
LN sau thuế
2025
109
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 35.6| 49.0%

Cơ cấu sở hữu

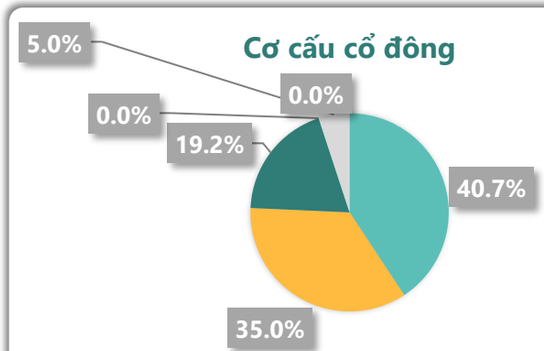


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

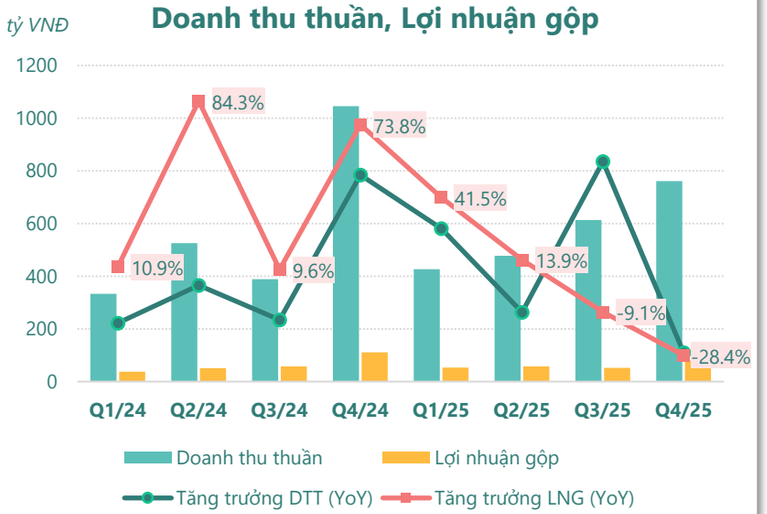


- Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước - Công ty TNHH
- Công ty TNHH Đầu tư và Kinh doanh bất động sản Khu Đông
- Công ty TNHH Đầu tư Gia Cường
- Lê Khắc Duy
- Nguyễn Thị Khánh Phương

(Nguồn: fireant.vn)

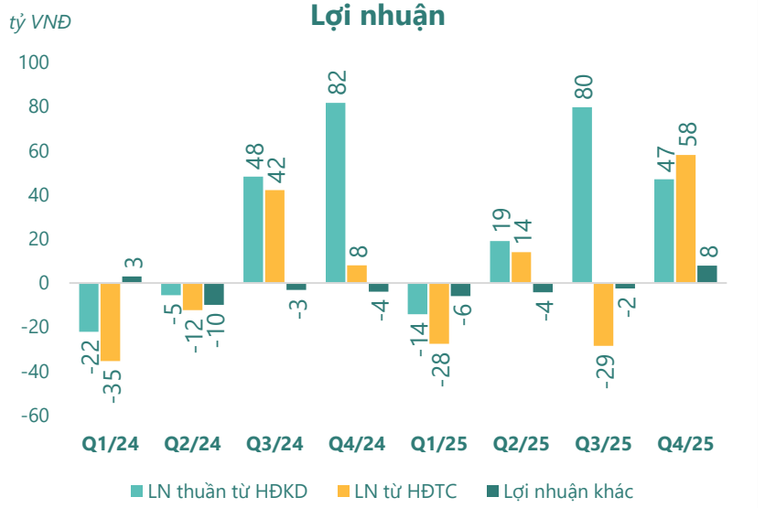
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



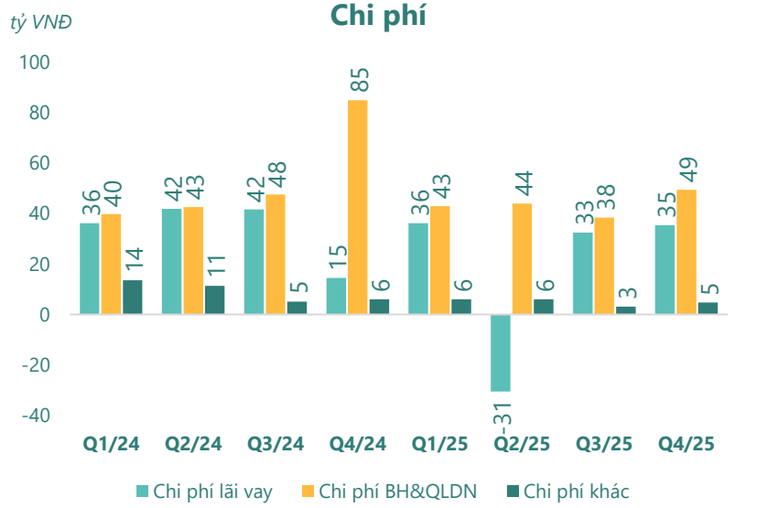
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



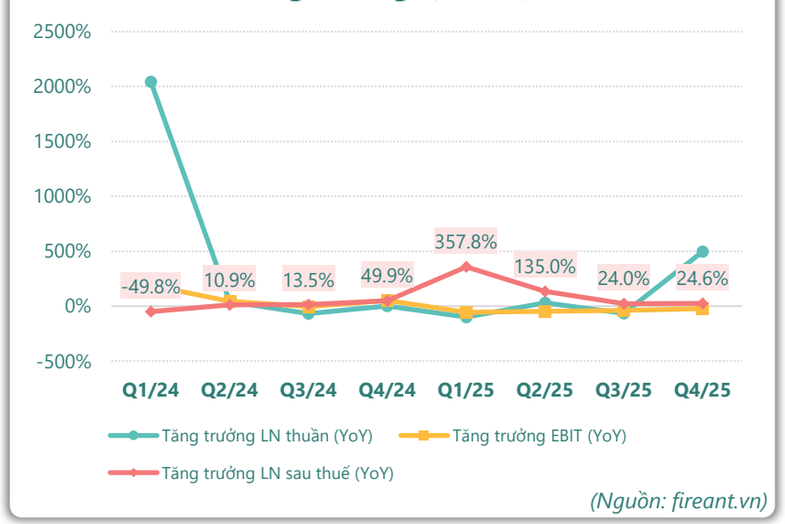
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



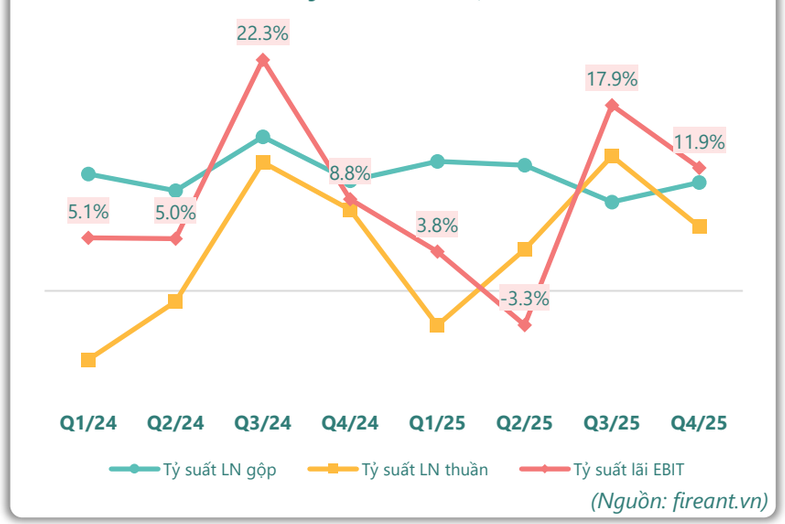
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



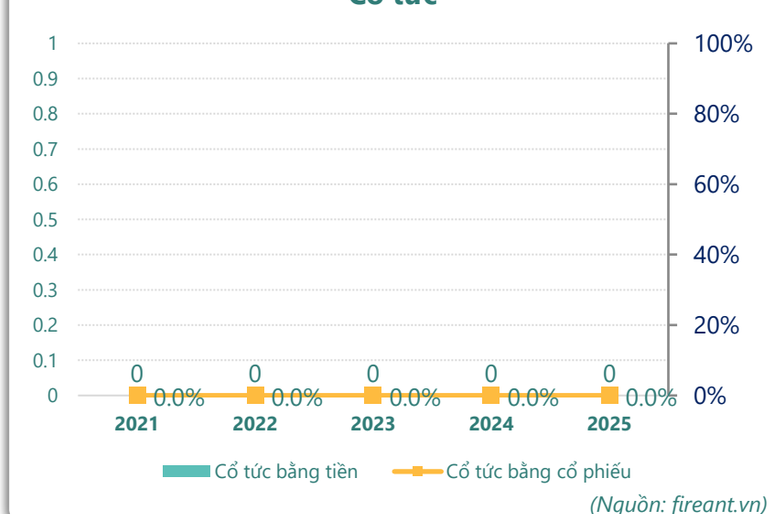
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

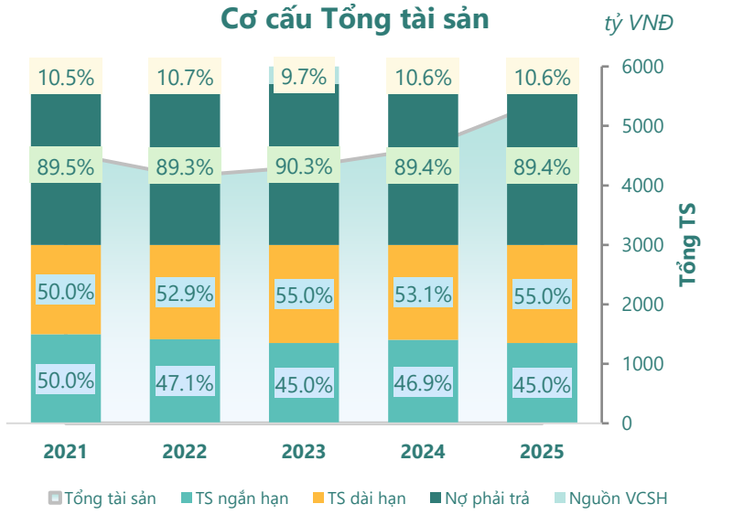
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

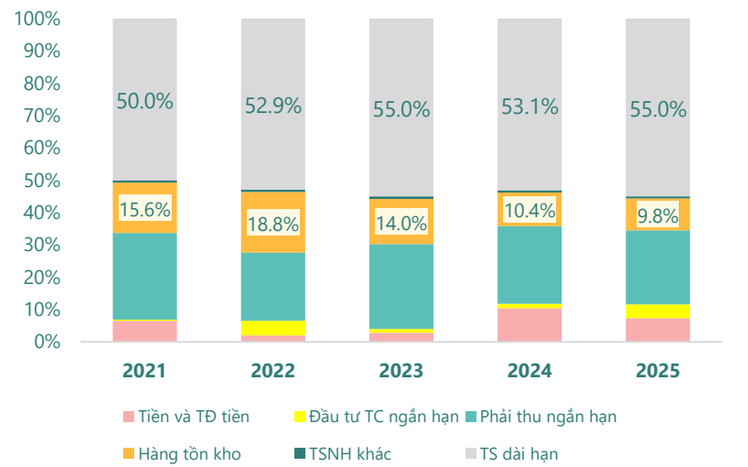
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



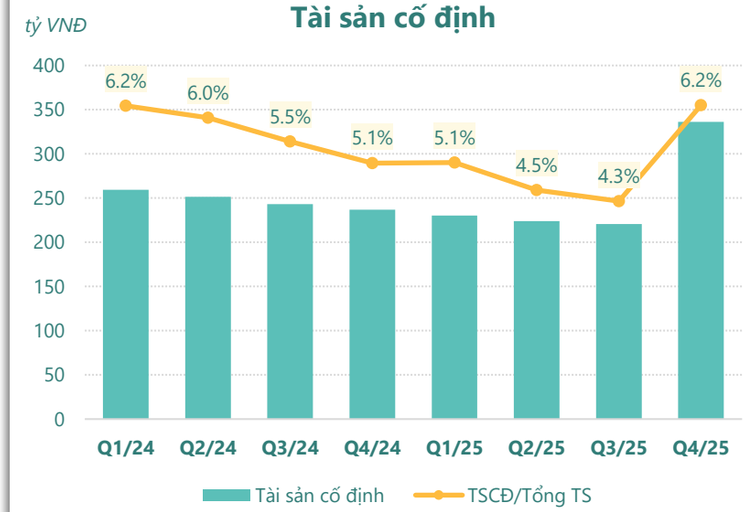
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



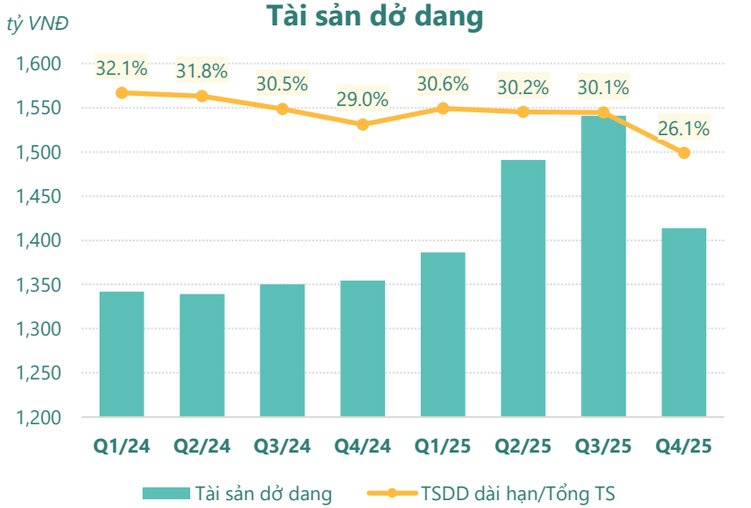
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



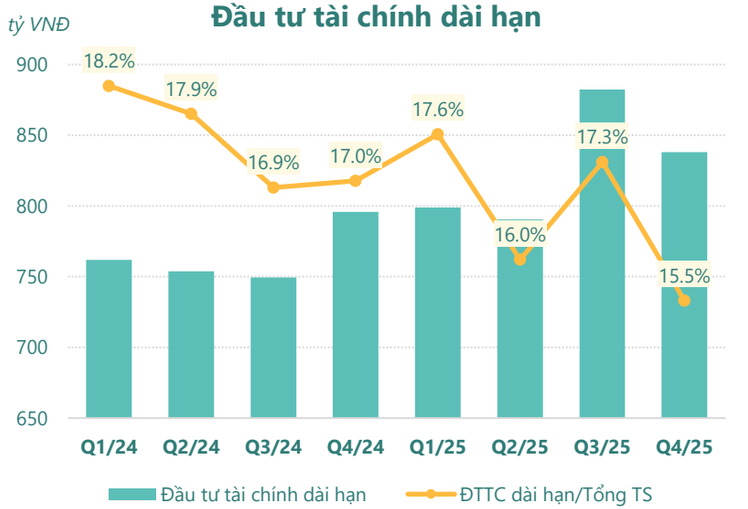
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



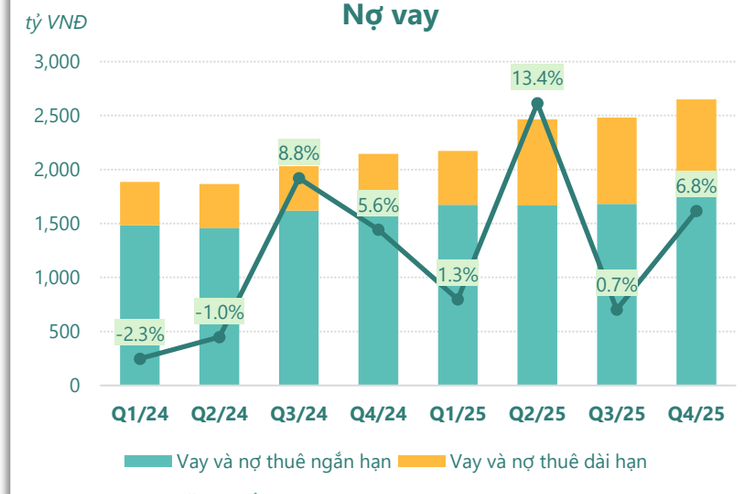
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

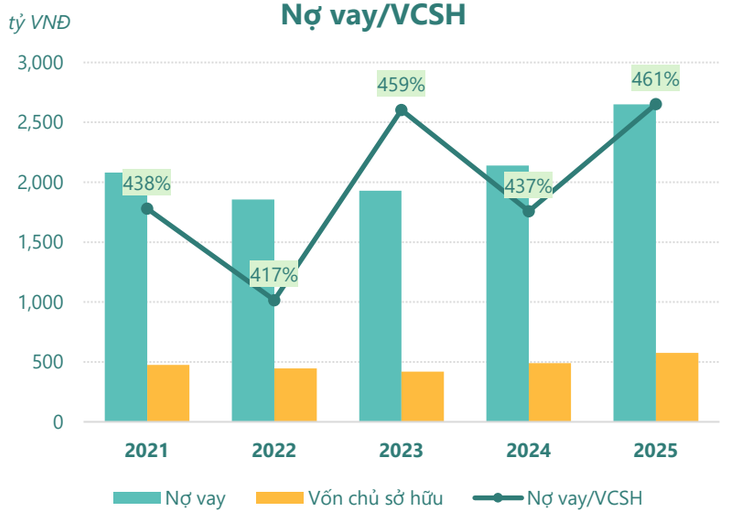
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

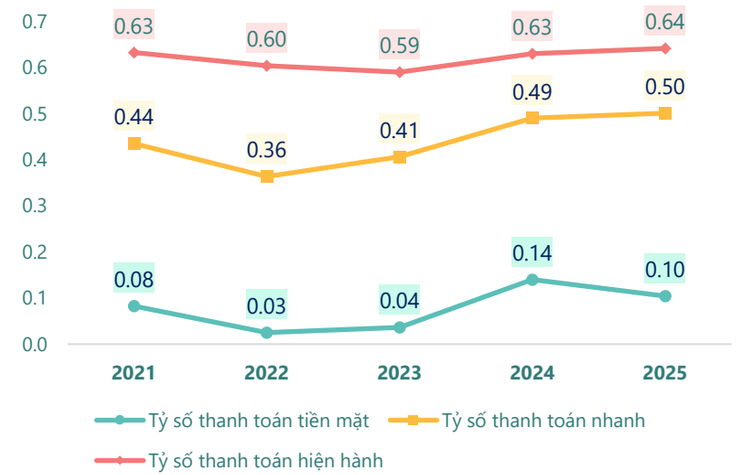
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



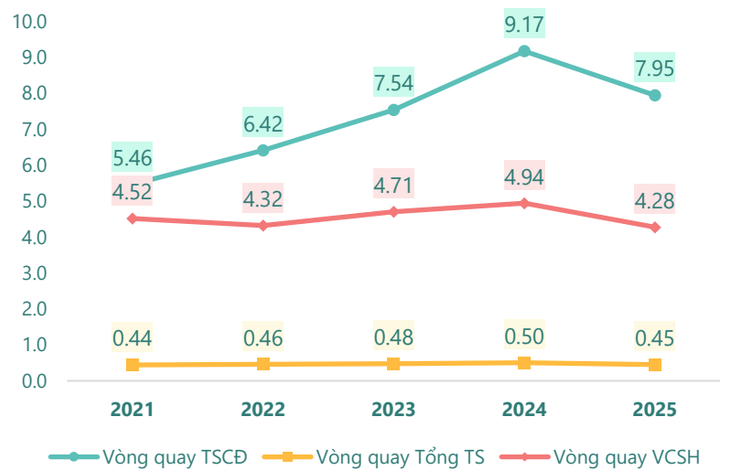
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



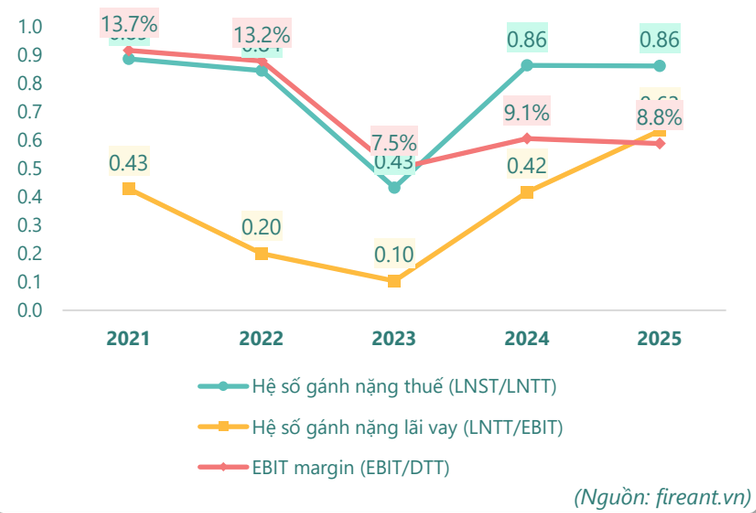
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



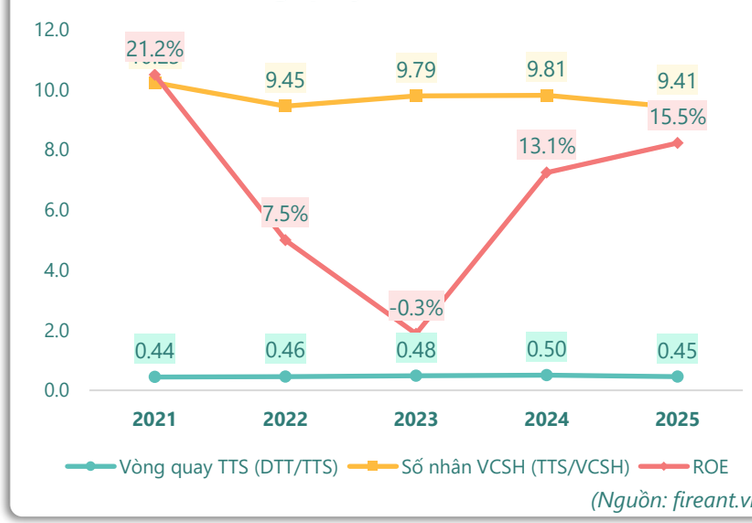
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



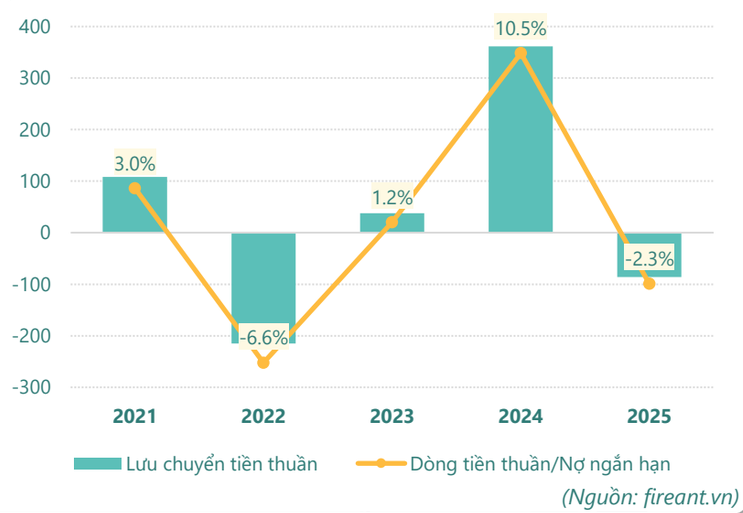
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**761**	**1,046**	**-27.3%**	**2,278**	**2,250**	**1.2%**
Giá vốn hàng bán	681	934	-27.1%	2,034	1,999	1.8%
Lợi nhuận gộp	79.6	111	-28.3%	243	251	-3.0%
Doanh thu HĐTC	89.0	7.28	1122%	136	122	11.0%
Chi phí TC	30.9	-0.75	4221%	120	122	-1.9%
Chi phí lãi vay	35.5	14.5	145%	73.6	119	-38.2%
LN trong công ty LKLD	**-41.2**	**47.6**	**-186%**	**47.4**	**60.7**	**-21.8%**
Chi phí bán hàng	13.0	20.1	-35.3%	47.6	52.2	-8.7%
Chi phí QLDN	**36.4**	**64.8**	**-43.8%**	**127**	**164**	**-22.4%**
LN thuần từ HĐKD	47.0	81.8	-42.5%	132	95.4	38.0%
Lợi nhuận khác	**7.86**	**-3.91**	**301%**	**-4.65**	**-10.4**	**55.2%**
LN trước thuế	54.9	77.9	-29.5%	127	85.0	49.4%
Lợi nhuận sau thuế	**46.7**	**71.3**	**-34.5%**	**109**	**73.4**	**49.0%**
LNST của CĐ cty mẹ	**26.5**	**70.1**	**-62.1%**	**82.8**	**59.7**	**38.8%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-54.1	61.8	-58.3	-238	-156	-53.0
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	18.7	30.3	-34.5	-0.54	-88.2	32.0
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	164	115	32.9	292	17.1	168
Tiền đầu kỳ	144	272	481	421	475	248
Lưu chuyển tiền thuần	**129**	**207**	**-60.0**	**53.6**	**-227**	**147**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0.01	0	0.00	0	0.00
Tiền cuối kỳ	272	479	421	475	248	396

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**5,409**	**4,617**	**17.2%**
Tài sản ngắn hạn	2,432	2,165	12.4%
Tiền và tương đương tiền	396	481	-17.8%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	231	62.3	271%
Phải thu ngắn hạn	1,238	1,108	11.7%
Hàng tồn kho	533	479	11.1%
Tài sản ngắn hạn khác	34.9	33.5	4.2%
Tài sản dài hạn	**2,977**	**2,452**	**21.4%**
Phải thu dài hạn	352	2.32	15080%
Tài sản cố định	336	237	41.8%
Bất động sản đầu tư	4.02	4.02	0.0%
Tài sản dở dang	1,414	1,379	2.6%
Đầu tư tài chính dài hạn	838	796	5.2%
Tài sản dài hạn khác	**33.0**	**33.7**	**-2.1%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	4,834	4,127	17.1%
Nợ ngắn hạn	**3,791**	**3,437**	**10.3%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,912	1,659	15.2%
Phải trả người bán ngắn hạn	635	730	-13.0%
Nợ dài hạn	1,042	690	51.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	738	481	53.5%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**575**	**490**	**17.4%**
Vốn chủ sở hữu	**575**	**490**	**17.4%**
Vốn điều lệ	900	900	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)